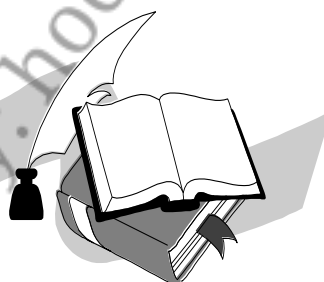




CHUYÊN ĐỀ

**RÈN KỸ NĂNG CHỌN VÀ PHÂN TÍCH DẪN
CHỨNG TRONG BÀI NGHỊ LUẬN VĂN HỌC
DÀNH CHO HỌC SINH GIỎI NGỮ VĂN**



THÁNG 8. 2019

MỤC LỤC

Contents

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI	1
II. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU.....	1
III. NHIỆM VỤ, PHẠM VI NGHIÊN CỨU VÀ ĐÓNG GÓP MỚI CỦA CHUYÊN ĐỀ	2
1. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
2. Phạm vi nghiên cứu.....	2
3. Đóng góp mới của chuyên đề	2
IV. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	2
V. CẤU TRÚC CỦA CHUYÊN ĐỀ	2
PHẦN NỘI DUNG	3
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN.....	3
1.1. Khái niệm.....	3
1.2. Vai trò của dẫn chứng trong bài văn nghị luận văn học	3
1.3. Các loại dẫn chứng trong bài văn nghị luận văn học.....	3
1.3.1. Dẫn chứng bắt buộc và dẫn chứng mở rộng.....	3
1.3.2. Dẫn chứng người viết phải tự xác định (dẫn chứng tự chọn).....	4
1.3.3. Dẫn chứng vừa bắt buộc, vừa tự chọn	4
1.4. Yêu cầu về việc chọn và phân tích dẫn chứng trong bài văn nghị luận văn học	5
1.4.1. Yêu cầu về việc chọn dẫn chứng trong bài văn nghị luận văn học	5
1.4.2. Yêu cầu về việc phân tích dẫn chứng trong bài văn nghị luận văn học	6
Chương 2: MỘT SỐ LỖI CƠ BẢN CỦA HỌC SINH GIỎI KHI CHỌN VÀ PHÂN TÍCH DẪN CHỨNG TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC... 10	10
2.1. Lỗi chọn dẫn chứng.....	10
2.1.1. Lỗi chọn dẫn chứng không chính xác.....	10
2.1.2. Lỗi chọn dẫn chứng không tiêu biểu và có sức thuyết phục cao.....	11
2.2. Lỗi phân tích dẫn chứng	12
2.2.1. Lỗi phân tích dẫn chứng thuần túy, không bám vào định hướng của đề.	12
2.2.2. Lỗi phân tích dẫn chứng không trùng với yêu cầu của đề bài.....	16

2.2.3. Lỗi phân tích dẫn chứng sơ lược, không có chiều sâu hoặc thiếu phân tích dẫn chứng.....	18
2.2.4.Lỗi phân tích sai dẫn chứng.....	20
Chương 3: CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC LỖI CHỌN VÀ PHÂN TÍCH DẪN CHỨNG TRONG BÀI LÀM CỦA HỌC SINH.....	22
3.1. Kỹ năng chọn dẫn chứng trong bài văn nghị luận văn học	22
3.1.1. Nhận diện đề	22
3.1.2. Tích lũy và chia sẻ dẫn chứng độc đáo.....	23
3.2. Kỹ năng phân tích dẫn chứng trong bài văn nghị luận văn học	24
3.2.1. Phân tích dẫn chứng theo hệ thống luận điểm đã xây dựng.....	24
3.2.2. Phân tích dẫn chứng theo hướng từ nghệ thuật làm nổi bật nội dung vấn đề.....	25
3.2.3. Phân tích dẫn chứng trong sự so sánh đối chiếu với tác phẩm khác. ..	26
3.3. Sửa lỗi cụ thể trong bài làm của học sinh.....	27
3.3.1. Lỗi sai trong bài viết của học sinh.....	27
3.3.2. Hướng khắc phục lỗi.....	28
PHẦN KẾT LUẬN.....	29
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	30

Collected by: hactot65.edu.vn

PHẦN MỞ ĐẦU

I. LÍ DO CHỌN ĐỀ TÀI

1. Nghị luận văn học từ lâu đã là một kiểu bài không thể thiếu trong giảng dạy ở nhà trường cũng như trong quá trình bồi dưỡng học sinh giỏi. Đây là kiểu bài mang tính chất thực hành, tổng hợp rõ rệt, vì thế học sinh không chỉ cần được trang bị kiến thức vững vàng mà còn cần được rèn luyện kỹ năng làm văn. Mục đích của văn nghị luận văn học là làm sáng tỏ vấn đề cần nghị luận, thuyết phục người đọc người nghe bằng lí lẽ và dẫn chứng. Tuy nhiên nếu lí lẽ thiên về việc làm cho người đọc hiểu thì dẫn chứng thiên về việc làm cho người ta tin. Mà muốn người ta tin bắt buộc người viết phải có kỹ năng chọn và phân tích dẫn chứng. Aristot từng nói: “*Để thuyết phục cần phải chứng minh*” và nhà giáo Văn Như Cương cũng từng nói: “*Muốn mọi người tin vào điều ta nói, ta cần phải chứng minh*”. Do đó rèn kỹ năng chọn và phân tích dẫn chứng để chứng minh cho chặt chẽ, thuyết phục là một trong những kỹ năng vô cùng quan trọng và cần thiết đối với học sinh giỏi khi làm bài văn nghị luận văn học.

2. Hiện nay việc rèn kỹ năng chọn và phân tích dẫn chứng trong bài văn nghị luận văn học cho học sinh giỏi đã được chú trọng nhưng để kỹ năng đó trở nên thuần thục, thành thạo và mẫu mực phải được rèn luyện thường xuyên, lâu dài và đòi hỏi giáo viên phải chú trọng hơn nữa trong việc rèn kỹ năng này cho học sinh. Trong quá trình giảng dạy, nhiều giáo viên chưa có sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa lý thuyết và thực hành, chưa chú trọng vào việc phát hiện lỗi thường gặp khi chọn và phân tích dẫn chứng trong các bài viết của học sinh, chưa đưa ra được những kỹ năng cơ bản để khắc phục hiệu quả nên chất lượng bài viết của học sinh giỏi chưa thật cao.

3. Xuất phát từ những lí do trên, chúng tôi lựa chọn chuyên đề “*Rèn kỹ năng chọn và phân tích dẫn chứng trong bài nghị luận văn học dành cho học sinh giỏi ngữ văn*” với mong muốn góp phần nâng cao chất lượng dạy văn nghị luận văn học nói chung và thao tác lập luận chứng minh nói riêng.

II. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

1. Khái quát về vấn đề chọn và phân tích dẫn chứng dựa trên các tài liệu sách giáo khoa, tài liệu giảng dạy dành cho giáo viên của các chuyên gia, các nhà nghiên cứu phương pháp dạy học Ngữ văn.

2. Nghiên cứu những lỗi cơ bản mà học sinh mắc phải. Từ đó đúc rút một số kinh nghiệm trong việc rèn kỹ năng chọn và phân tích dẫn chứng trong bài nghị luận văn học dành cho học sinh giỏi ngữ văn.

III. NHIỆM VỤ, PHẠM VI NGHIÊN CỨU VÀ ĐÓNG GÓP MỚI CỦA CHUYÊN ĐỀ

1. Nhiệm vụ nghiên cứu

Hệ thống hóa những lỗi thường gặp của học sinh trong quá trình chọn và phân tích dẫn chứng khi làm bài văn nghị luận văn học. Đồng thời đề xuất một số giải pháp để khắc phục nhằm nâng cao chất lượng bài viết của học sinh.

2. Phạm vi nghiên cứu

Kỹ năng chọn và phân tích dẫn chứng trong bài văn nghị luận văn học của học sinh giỏi môn Ngữ văn.

3. Đóng góp mới của chuyên đề

- Chuyên đề hệ thống hóa các lỗi thường gặp của học sinh giỏi khi chọn và phân tích dẫn chứng trong bài văn nghị luận văn học và cách khắc phục một cách tường minh, chi tiết.

- Chuyên đề cũng giới thiệu một số bài viết cụ thể của học sinh có ý nghĩa minh họa cho phần lý thuyết, phục vụ thiết thực trong công tác rèn kỹ năng làm bài cho HSG của GV.

IV. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong chuyên đề, chúng tôi vận dụng phối hợp, linh hoạt các phương pháp nghiên cứu sau: thống kê, phân loại, phân tích, so sánh, đối chiếu, tổng hợp...

V. CẤU TRÚC CỦA CHUYÊN ĐỀ

Ngoài phần mục lục, mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo... chuyên đề của chúng tôi được chia thành ba chương. Cụ thể:

- *Chương I. Cơ sở lý luận.*
- *Chương II. Một số lỗi cơ bản của học sinh giỏi khi chọn và phân tích dẫn chứng trong bài văn nghị luận văn học.*
- *Chương III. Các biện pháp khắc phục lỗi chọn và phân tích dẫn chứng trong bài làm của học sinh.*

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1. Khái niệm

Dẫn chứng là những sự vật, sự việc, số liệu, ý kiến...rút ra từ thực tế hay từ sách vở để thuyết minh cho ý kiến nhận định, đánh giá trong nghị luận.

1.2. Vai trò của dẫn chứng trong bài văn nghị luận văn học

Trong bài văn nghị luận văn học, dẫn chứng có vai trò vô cùng quan trọng. Dẫn chứng và lí lẽ là hai bộ phận cấu thành luận điểm và làm tăng thêm tính thuyết phục, hấp dẫn cho hệ thống lập luận.

Nếu không có dẫn chứng, những lí lẽ được đưa ra dù hay và sắc sảo đến đâu thì vẫn không đủ sức thuyết phục và không thể tác động mạnh mẽ đến người đọc, người nghe. Bài văn nghị luận sẽ trở thành những lời bàn luận mang tính chất là những khái niệm, lí thuyết suông.

Nhờ có dẫn chứng và phân tích dẫn chứng mà vấn đề được soi sáng mạch lạc, rõ ràng, giúp bài viết thêm sâu sắc, lập luận thêm chặt chẽ.

1.3. Các loại dẫn chứng trong bài văn nghị luận văn học

1.3.1. Dẫn chứng bắt buộc và dẫn chứng mở rộng

Dẫn chứng bắt buộc là dẫn chứng nằm trong phạm vi yêu cầu của đề bài. Còn dẫn chứng mở rộng là loại dẫn chứng ngoài phạm vi trên do người viết viện dẫn ra để liên hệ, đối chiếu, so sánh nhằm làm sáng tỏ thêm ý đang bàn bạc.

Ví dụ 1: “*Thơ nữ viết về tình yêu thường thể hiện sâu sắc bản lĩnh và ý thức về hạnh phúc của chính người phụ nữ*”. Hãy phân tích, so sánh bài thơ *Tự tình* (bài II) của Hồ Xuân Hương và *Sóng* của Xuân Quỳnh để làm rõ nét chung và nét riêng trong tâm sự tình yêu của hai nữ tác giả ở hai thời đại khác nhau.

Ở đề này, bài thơ *Tự tình* (bài II) của Hồ Xuân Hương và *Sóng* của Xuân Quỳnh là phạm vi tư liệu mà người viết buộc phải trích dẫn. Đó là những dẫn chứng bắt buộc.

Ví dụ 2: Có ý kiến cho rằng: “*Nam Cao là nhà văn của chủ nghĩa hiện thực tâm lí, là một bậc thầy trong nghệ thuật miêu tả và phân tích tâm lí nhân vật*.” Qua truyện ngắn “*Chí Phèo*”, anh chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

Ở đề này, tác phẩm *Chí Phèo* của Nam Cao là dẫn chứng bắt buộc. Tuy vậy trong quá trình viết, người làm bài có thể mở rộng lấy một số dẫn chứng khác của Nam Cao để làm nổi bật nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật của ông. Tất cả những tác phẩm trích dẫn ngoài yêu cầu của đề này đều là những dẫn chứng mở rộng.

Về nguyên tắc những dẫn chứng mở rộng có thể ở nhiều cấp độ, những tác phẩm khác của cùng nhà văn hoặc tác phẩm của nhà văn khác (cùng thời, khác thời, trong nước, ngoài nước, văn học dân gian, văn học viết...). Nhưng cần phải tôn trọng và tập trung vào những dẫn chứng bắt buộc, tránh tình trạng dẫn chứng mở rộng lại nhiều hơn, sâu hơn làm át cả dẫn chứng bắt buộc. Cần nhớ dẫn chứng mở rộng chỉ là để làm sáng tỏ thêm cho dẫn chứng bắt buộc.

1.3.2. Dẫn chứng người viết phải tự xác định (dẫn chứng tự chọn)

Có những đề bài yêu cầu người viết phải tự mình xác định và lựa chọn lấy những dẫn chứng sao cho phù hợp, tiêu biểu làm sáng tỏ được vấn đề.

Ví dụ 1: Marcel Proust quan niệm: “*Thế giới được tạo lập không phải một lần, mà mỗi lần người nghệ sĩ độc đáo xuất hiện thì lại một lần thế giới được tạo lập*”. Tô Hoài cho rằng: “*Mỗi trang văn đều soi bóng thời đại mà nó ra đời*”. Bằng trải nghiệm văn học của bản thân, anh/chị hãy bình luận những nhận định trên.

Ví dụ 2: Rồi đây, có thể xuất hiện những cỗ máy biết viết văn, làm thơ. Lúc đó, sáng tạo văn học có còn là độc quyền của con người"? Bằng trải nghiệm văn học, anh/chị hãy trình bày quan điểm của mình.

1.3.3. Dẫn chứng vừa bắt buộc, vừa tự chọn

Trong một số trường hợp đề bài nêu yêu cầu về phạm vi tư liệu rất rộng (một thời kì, một giai đoạn, hay một khuynh hướng văn học...) dẫn chứng thường vừa bắt buộc, vừa tự chọn.

Ví dụ 1: “*Thơ ca là tiếng hát của trái tim, là nơi dừng chân của tinh thần, do đó không đơn giản mà cũng không thần bí, thiêng liêng... Thơ ca chân chính phải là nguồn thức ăn tinh thần, nuôi tâm hồn phát triển, nó không được là thứ thuốc phiện tinh thần êm ái mà nhỏ nhen, độc hại...*” (Phương Lưu)

Anh/chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua một số bài thơ trong phong trào Thơ Mới.

Ví dụ 2: Chủ nghĩa nhân đạo là một trong những truyền thống lớn nhất của văn học Việt Nam. Qua việc một số tác phẩm văn học giai đoạn 1930 – 1945, anh/chị hãy làm rõ những đóng góp riêng, độc đáo của từng tác phẩm cho truyền thống này.

Ở 2 đề trên, dẫn chứng bắt buộc là một số tác phẩm trong phong trào Thơ Mới và văn học giai đoạn 1930 – 1945. Nhưng chọn dẫn chứng nào cụ thể hoàn toàn do người viết.

1.4. Yêu cầu về việc chọn và phân tích dẫn chứng trong bài văn nghị luận văn học

1.4.1. Yêu cầu về việc chọn dẫn chứng trong bài văn nghị luận văn học

a. Dẫn chứng phải chính xác, tiêu biểu “đích đáng”, phù hợp với luận điểm.

Người viết văn nghị luận phải có một gia tài dẫn chứng giàu có, phong phú, đa dạng. Phải đọc nhiều, nhớ nhiều thì khi viết mới lựa chọn được những dẫn chứng thuyết phục, tiêu biểu, mới mẻ. Phải có trong đầu hàng trăm câu thơ thì mới trích trong một bài viết nào đó được vài ba câu phù hợp “đúng” và “trúng” vấn đề đang bàn bạc. Chẳng hạn dẫn chứng soi sáng cho tính chất sử thi của văn học giai đoạn 1945 – 1975 có thể chọn các bài thơ của Tố Hữu (*người con gái Việt Nam, mẹ Tom...*), các truyện ngắn *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành, *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi. Đọc những bài văn nghị luận văn học có chất lượng cao, ta thường thấy dẫn chứng trong các bài văn ấy rất giàu sức thuyết phục. Đó là vì các dẫn chứng đã được chọn lọc rất kĩ càng bằng con mắt thẩm định tinh tường trước khi đưa vào bài.

Ví dụ, để minh họa cho nhận xét về những rung động, xôn xao rất tinh tế trong cảnh và tình thơ Xuân Diệu, Hoài Thanh đã chọn mấy câu thơ: *Những luồng run rẩy, rung rinh lá (Đây mùa thu tới); Cảnh biếc run run chân ý nhi (Thu); Mây biếc về đâu bay gấp gấp – Con cò trên ruộng cánh phân vân (Thơ duyên)*. Đó là những cảm xúc mà chỉ Xuân Diệu mới thấy.

Hay để chứng minh cho việc các nhà văn học được văn trong chuyện cổ tích và học được thơ trong ca dao, học sinh Nguyễn Thị Minh Thương, trường THPT chuyên Hùng Vương- Phú Thọ - người đạt giải nhất kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia năm 2003, bảng A đã chọn Truyện Kiều của Nguyễn Du, thơ Nguyễn Bính, Tố Hữu để thấy nơi mỗi trang thơ hồn ca dao đi về muôn thuở và lấy sáng tác của Victor Hugo, Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài để chứng minh văn học viết còn tiếp thu chất văn trong cổ tích, cụ thể như sau :

Các tác giả đã học tập được thơ của những câu hát dân gian. Chất thơ vút lên từ mồ hôi, nước mắt, từ cuộc sống cần lao lam lũ của đời thường. Vì đâu Truyện Kiều có thể trở thành tiếng hát của tâm hồn dân tộc? Bởi lẽ tiếng thơ Tố Như đã đi về cùng ca dao muôn đời. Nhà thơ đã học tập những tinh chất, tinh hoa trong ca dao. Nguyễn Du đã học được ngôn ngữ, hình ảnh, thể lục bát truyền thống,...từ tiếng hát tâm hồn người lao động. Hình ảnh nàng Kiều chẳng phải là hiện thân điển hình cho những người phụ nữ khốn khổ, khốn cùng nơi những câu hát than thân: Thân em như hạt mưa sa, Thân em như hạt mưa rào sao? Khơi nguồn thi cảm từ bề sâu nhân thế, không biết đã bao thi nhân đau đớn lòng. Nguồn cảm hứng về nỗi khổ con người đã được khai thác nhiều mà xem ra chưa cạn vơi đi

nhiều lắm. Nguyễn Du đã bắt nhịp tâm hồn cùng tiếng khóc của người phụ nữ dưới đáy cùng bể khổ kia, để cất lên khúc hát rong về nỗi khổ phận người. Cảm hứng ấy chẳng phải đã được khởi nguồn từ ca dao, dân ca sao? Song có lẽ, là lối sử dụng hình ảnh, ngôn ngữ, thi liệu. Những vầng trăng, những lời thề nguyện, hò hẹn, những từ ngữ vừa bình dị, vừa lấp lánh chất thơ,... đi vào Truyện Kiều từ miền ca dao xưa cũ... Không chỉ Nguyễn Du, Nguyễn Bính- một nhà thơ mới - cũng đã đem lại "một thời đại trong thi ca" một tiếng thơ quen. Bởi thi sĩ đã trở về nương hồn mình nơi bến nước, gốc đa, những đêm hội chèo để lắng nghe tiếng vọng của ca dao đổ về từ cội nguồn dân tộc... Một Tố Hữu đem vào thơ mình nguồn ca dao một thuở với những "mình", "ta" (Việt Bắc). Mượn cách nói của tổ tình đôi lứa để biểu đạt những tình cảm chính trị lớn lao. Thơ Tố Hữu gần với ca dao biết mấy! Không chỉ học tập chất thơ trong ca dao, văn học viết còn tiếp thu chất văn trong cổ tích. Những câu chuyện vô danh chớ đầy ước mơ hồn nhiên của con người thuở trước giờ lại đổ bóng hình vào văn học hiện đại hôm nay. Victor Hugo xây dựng nên hình tượng Quasimodo từ thế giới nhân vật dị dạng, méo mó trong cổ tích. Những chất liệu từ cổ tích đã cung cấp cho nhà văn nguồn cảm hứng sáng tạo. Họ học ở cổ tích cách xây dựng nhân vật theo mô típ thiện - ác, phả vào trang văn của mình chất huyền ảo, thiêng liêng. Và niềm tin, sự lạc quan vào tư tưởng các nhà văn hiện thực cách mạng. Có ai đó cho rằng "Vợ chồng A Phủ" của Tô Hoài là thiên truyện thấm đầy chất cổ tích và hiện thực. Cổ tích chuyển hoá vào hiện thực. Mô típ nhân vật ấy chắc hẳn Tô Hoài đã học được từ chất văn trong trang chuyện cổ ngày xưa. Mị tiêu biểu cho người con gái nghèo, bất hạnh, cô phải chịu những đau khổ trong cuộc đời nhưng lại mang trong mình những khoảng sáng của những phẩm chất tốt đẹp...

(Trích bài làm của học sinh Nguyễn Thị Minh Thương, trường THPT chuyên Hùng Vương- Phú Thọ - người đạt giải nhất kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia năm 2003, bảng A)

b. Dẫn chứng phải đủ

Bên cạnh yêu cầu về chất của dẫn chứng, bài văn nghị luận văn học cũng cần đảm bảo yêu cầu về lượng của dẫn chứng. Khi dùng dẫn chứng trong bài cần bao quát cho hết các khía cạnh của ý kiến để tập hợp dẫn chứng thể hiện đủ các khía cạnh. Chẳng hạn để chứng minh Chủ nghĩa nhân đạo là một trong những truyền thống lớn nhất của văn học Việt Nam người viết cần lấy các dẫn chứng về chủ nghĩa nhân đạo từ xưa đến nay, ở mọi thể loại, mọi lứa tuổi, giới tính... Tuy nhiên đủ không có nghĩa là nêu dẫn chứng tràn lan. Người viết nên tìm cách kết hợp diện với điểm, vừa đảm bảo đầy đủ các mặt vừa tập trung vào một số điểm mấu chốt.

1.4.2. Yêu cầu về việc phân tích dẫn chứng trong bài văn nghị luận văn học.

a. Phân tích dẫn chứng phải đúng, chính xác

Viết bài văn nghị luận văn học nói chung và phân tích dẫn chứng trong văn nghị luận văn học nói riêng muốn đạt tới cái hay trước hết phải đảm bảo được cái đúng, chính xác. Một bài văn sẽ không đạt được hiệu quả nếu người viết thể hiện sự non nớt, thiếu hiểu biết khi phân tích dẫn chứng không chính xác. Đối với những dẫn chứng đa nghĩa, những sáng tác được viết theo trường phái tượng trưng siêu thực càng đòi hỏi học sinh phải có sự am hiểu thật sâu sắc tác phẩm mới có thể phân tích đúng. Chẳng hạn như 6 câu thơ sau trong bài thơ *Đàn ghi ta của Lorca*:

*tiếng ghi ta nâu
bầu trời cô gái ấy
tiếng ghi ta lá xanh biết mấy
tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan
tiếng ghi ta ròng ròng máu chảy*

Những câu thơ cho thấy hình tượng Lorca không xuất hiện trực tiếp mà chỉ qua âm thanh của tiếng đàn ghi ta nhưng tiếng ghi ta không còn nguyên vẹn, đã vỡ ra thành màu sắc (*nâu*: trầm tĩnh, nghĩ suy; *xanh*: thiết tha, hy vọng); thành hình khối (*tròn bọt nước vỡ tan*: bàng hoàng, tức tưởi) và thành *ròng ròng máu chảy*: sự đau đớn, nghẹn ngào. Âm nhạc đã thành thân phận, tiếng đàn thành linh hồn, sinh thể. Mỗi tiếng ghi ta không chỉ hình dung về cái chết của Lorca mà còn là cảm nhận, là nỗi niềm của con người trước cái chết: sự tiếc thương đau đớn của người tình chung thủy (*tiếng ghi ta nâu – bầu trời cô gái ấy*); nỗi xót xa tiếc nuối của mỗi người trước cái chết thê thảm của người nghệ sĩ cho hành trình tự do và cách tân nghệ thuật còn dang dở.

Để phân tích chính xác được 6 câu thơ như trên đòi hỏi người viết không chỉ chắc chắn kiến thức về văn bản mà còn phải có sự am hiểu sâu sắc về đặc điểm thơ Thanh Thảo: tượng trưng, siêu thực, khối vuông ru bích, người đọc thỏa sức xoay để tạo ra những khối màu nhưng khi liên kết lại ta thấy ý nghĩa của ý thơ.

Có thể nói, việc hiểu đúng và phân tích đúng, chính xác các dẫn chứng đưa ra là yêu cầu bắt buộc đối với học sinh. Nó chứng tỏ, người viết có sự chắc chắn về kiến thức, sự am hiểu khá sâu sắc về văn chương.

b. Phân tích dẫn chứng phải hay và gắn nó với lí lẽ mà nó cần làm sáng tỏ nếu không bài văn nghị luận sẽ biến thành bảng liệt kê dẫn chứng đơn thuần. Có phân tích, bình phẩm thì từ dẫn chứng ta mới làm toát lên được vấn đề cần nói. Chẳng hạn như đoạn văn phân tích dẫn chứng hay dưới đây:

Đề bài: "*Giá trị của một tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó. Nhưng là tư tưởng đã được rung lên ở các cung bậc của tình cảm, chứ không phải tư tưởng nằm thẳng đơ trên trang giấy. Có thể nói, tình cảm của người*

viết là khâu đầu tiên và là khâu sau cùng trong quá trình xây dựng một tác phẩm nghệ thuật".

(Theo Nguyễn Khải, Các nhà văn nói về văn, tập 1, NXB Tác phẩm mới, 1985, trang 61)

Anh, chị hiểu như thế nào về ý kiến nêu trên? Hãy liên hệ với sáng tác của Xuân Diệu hoặc Tố Hữu để làm sáng tỏ vấn đề. (Đề thi học sinh giỏi quốc gia năm 1999, bảng A)

Bài làm của học sinh:

...Tôi luôn tự hỏi, nếu những vần thơ Xuân Diệu không thấm đẫm một bầu cảm xúc, một niềm yêu đời mãnh liệt thì những vần thơ của ông có thể rung động lòng người đến thế? Những vần thơ như kết tinh từ xúc cảm đắm say đến cuồng nhiệt ngậy ngát của người nghệ sĩ đối với cuộc sống này. Nó giúp ông khám phá những hương mật ngọt ngào của thiên nhiên trần thế:

" Cửa ong bướm này đây tuần tháng mật,
Này đây hoa của đồng nội xanh rì,
Này đây là của cành to phơ phất
Của yến anh này đây khúc tình si."

Một điệp ngữ "này đây" như một đợt sóng trào dâng của niềm yêu đời, nhà thơ như muốn chỉ cho mỗi người thấy cuộc sống này đáng yêu như vậy đây. Vậy bạn ơi hãy sống hết mình với đời, với người bằng tất cả tâm hồn mình và hưởng thụ cuộc sống đẹp đẽ này. Cần gì phải đi đâu, phải thoát lên tiên hay mơ màng tới nơi phương xa xứ lạ. Thiên đường là đây, là cõi đất mến yêu, gần gũi này.

Xúc cảm đâu muốn nguôi yêu, lúc nào nó cũng muốn cựa quậy trên trang giấy để bút phá, đập tung những khuôn khổ bó buộc của câu chữ khiến thành trì chữ nghĩa phải lung lay:

"Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mơn;
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chếch choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,
Cho no nê thanh sắc của thời tươi,
Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào người!"

Các động từ mạnh "riết", "ôm", "say", "thâu" như muốn xô lệch cả con chữ. Cái áo xưa giờ đã quá chật hẹp không đựng nổi bầu cảm xúc tươi rói, luôn phập phồng sự sống. Cảm xúc tràn ra ngoài câu chữ, thấm vào lòng người đọc, thổi bùng lên ngọn lửa của lòng yêu sống. Nó khiến ta không thể yên. Thơ hay tiếng lòng của nghệ sĩ đã đốt thành thơ? Bao xúc cảm, men say ngất ngây tột đỉnh đã

đón lại để bật lên một câu thơ độc đáo vào bậc nhất trong thi đàn Việt Nam: "Hỡi Xuân Hồng ta muốn cắn vào người!" Có lẽ nhiều người còn nhắc tới tính hiện đại của câu thơ đấy. Còn tôi, tôi chỉ muốn nói rằng câu thơ ấy là tiếng vang thốt ra từ bầu tâm huyết của Xuân Diệu đối với cõi đời này. Tư tưởng tạo nên tâm vóc của nhà văn. Tình cảm thổi hồn cho tư tưởng ấy sống dậy thành sinh thể. Có thể nào phủ nhận mối quan hệ máu thịt không thể tách rời ấy? Tư tưởng của Xuân Diệu cũng vậy, nó đã sống trong tình cảm, trong tâm huyết của nhà thơ. Mỗi câu thơ thâm nhập và hồn ta đâu phải là con chữ vô hồn, nó là tất cả cảm xúc của thi nhân khuấy động mãi trong ta, thấp lên trong ta ngọn lửa của niềm ham sống. Mỗi câu, mỗi chữ viết ra đều là máu thịt của nhà văn. Không có bầu cảm xúc ấy, liệu người đọc có thể nhớ mãi câu thơ: "Tháng giêng ngon như một cặp môi gần"- câu thơ viết ra bởi một cảm quan nhân sinh yêu đời, khoẻ khoắn, nồng nhiệt? Không có "lòng khát khao giao cảm với đời" ấy, liệu Xuân Diệu có thể lắng nghe được những rung động tinh tế, mơ hồ, hư ảo trong lòng người và vạn vật để truyền vào những vần thơ ít lời nhiều ý súc tích nhưng đọng lại bao tình hoa? Tình cảm mãi là ngọn nguồn sâu xa của mọi sáng tạo nghệ thuật chân chính trên cõi đời này...

(Bùi Việt Lâm - Trường THPT chuyên Hùng Vương - Bài đạt giải nhất)

Một bài văn có nhiều dẫn chứng la liệt chỉ mới chứng tỏ người viết chăm học và có trí nhớ chứ chưa nói gì về trình độ nhận thức, năng khiếu thẩm mỹ và tài hoa. Người đọc bài, chấm bài nhận biết được trình độ và năng lực này nhờ những lời phân tích, bình giảng, bình luận dẫn chứng của người viết. Có những trường hợp nếu người viết không phân tích dẫn chứng thì người đọc hầu như không hiểu dẫn chứng nhằm phục vụ gì cho lí lẽ, có ý nghĩa gì với lí lẽ.

Chương 2: MỘT SỐ LỖI CƠ BẢN CỦA HỌC SINH GIỎI KHI CHỌN VÀ PHÂN TÍCH DẪN CHỨNG TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

2.1. Lỗi chọn dẫn chứng

2.1.1. Lỗi chọn dẫn chứng không chính xác

Qua khảo sát có thể thấy, bài viết của học sinh thường mắc lỗi chọn dẫn chứng không chính xác về phạm vi dẫn chứng mà đề yêu cầu, nhớ lẫn lộn tác phẩm thuộc các giai đoạn, các thời kì trong tiến trình phát triển của lịch sử văn học dân tộc hoặc chọn dẫn chứng không đúng về tác phẩm văn học, tác gia văn học; thể loại...

Ví dụ 1: Nhận xét về văn học giai đoạn thời Trần có ý kiến cho rằng: “*Văn học giai đoạn này tràn đầy hào khí Đông A*”. Anh/chị hãy phân tích một số tác phẩm đã học và đã đọc để làm sáng tỏ nhận xét trên.

Với đề này, có học sinh đã lấy dẫn chứng chứng minh không thuộc văn học giai đoạn thời Trần mà thuộc thời Lý hoặc sau đó.

Ví dụ 2: Phân tích tinh thần nhân đạo sâu sắc thể hiện trong tập thơ *Ngục trung nhật kí* của Hồ Chí Minh

Với đề này, có học sinh còn nhầm lẫn khi chọn dẫn chứng thuộc chùm thơ làm ở Việt Bắc (1941 – 1945) của Bác, không thuộc tập *Ngục trung nhật kí*.

Ví dụ 3: Nhà văn Nguyễn Minh Châu cho rằng: “...*Những người cầm bút có biệt tài có thể chọn ra trong dòng đời xuôi chảy một khoảnh khắc thời gian mà ở đó cuộc sống đậm đặc nhất, chứa đựng nhiều ý nghĩa nhất, một khoảnh khắc cuộc sống...nhưng bắt buộc con người ở vào một tình thế phải bộc lộ ra cái phần tâm can nhất, cái phần ẩn náu sâu kín nhất, thậm chí có khi là khoảnh khắc chứa đựng cả một đời người, một đời nhân loại*”.

(“*Trang giấy trước đèn*”, NXB KHXH, H. 1994, tr. 258)

Bằng trải nghiệm văn học của mình, anh/chị hãy bình luận ý kiến trên

Ví dụ 4: Giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh cho rằng: “*Tình huống truyện giống như một thứ nước rửa ảnh để làm nổi hình, nổi sắc nhân vật, nổi bật vấn đề tư tưởng của tác phẩm, sáng tạo tình huống trở thành nơi thử thách tài nghệ của nhà văn*”

(Nguyễn Đăng Mạnh, *truyện ngắn hôm nay, đăng trên báo văn nghệ số 48, ngày 30/11/1991*)

Anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua một số truyện ngắn mà mình tâm đắc nhất.

Ở đề 3 và 4, đề yêu cầu chọn dẫn chứng làm sáng tỏ cho đặc trưng về vai trò của tình huống truyện trong truyện ngắn nhưng có học sinh lại chọn truyện ngắn không có tình huống truyện.

Nguyên nhân của những lỗi chọn dẫn chứng không chính xác như trên có thể xuất phát từ việc học sinh không đọc kĩ đề mà vội vã làm ngay, bỏ sót phạm vi dẫn chứng mà đề bài yêu cầu. Mặt khác còn do học sinh không chú ý học kiến thức văn học sử nên còn nhớ lẫn lộn các tác giả, tác phẩm ở những giai đoạn văn học khác nhau.

2.1.2. Lỗi chọn dẫn chứng không tiêu biểu và có sức thuyết phục cao.

Qua khảo sát chúng tôi còn nhận thấy, bài viết của học sinh thường mắc lỗi chọn kiến thức về tác giả, tác phẩm để minh chứng chưa phù hợp với vấn đề trong đề bài. Loại lỗi này thường gặp đối với những đề bài yêu cầu dẫn chứng tự chọn. Khi tự chọn tác giả, tác phẩm để minh chứng, học sinh thường chọn những tác giả, tác phẩm mà mình yêu thích hoặc có hiểu biết sâu rộng mà không chú ý xem tác giả, tác phẩm ấy có phù hợp để chứng minh cho nhận định văn học đề yêu cầu hay không. Chính vì chưa tinh, chưa sắc trong việc chọn tác giả, tác phẩm để chứng minh cho nhận định dẫn đến phần chứng minh chưa có sức thuyết phục cao.

Ví dụ 1: Nhận xét về vai trò của chi tiết nghệ thuật trong truyện ngắn, nhà văn Nga Paustovsky cho rằng: *“Chi tiết làm nên bụi vàng của tác phẩm.”*. Anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua một số chi tiết trong những tác phẩm mà mình tâm đắc.

Ở đề này yêu cầu học sinh chọn một số chi tiết tiêu biểu minh chứng cho vai trò của chi tiết có khả năng phát sáng trong truyện ngắn. Chẳng hạn nếu chọn tác phẩm *Hai đứa trẻ* của nhà văn Thạch Lam, học sinh có thể chọn chi tiết đoàn tàu, chi tiết ngọn đèn dầu của mẹ con chị Tý, chi tiết ánh sáng, bóng tối v.v.... Với *Chữ người tử tù* của nhà văn Nguyễn Tuân, học sinh có thể chọn chi tiết cảnh cho chữ ở gần cuối tác phẩm, chi tiết giọt nước mắt của viên quản ngục, chi tiết lời di huấn của Huân Cao v.v.... Hay với truyện ngắn *Chí Phèo* của Nam Cao, học sinh có thể lựa chọn chi tiết hơi cháo hành, chi tiết giọt nước mắt của Chí Phèo khi đón nhận sự chăm sóc ân tình của thị Nở và khi bị thị Nở cự tuyệt v.v... Nhưng trong bài viết vẫn có những chi tiết học sinh lựa chọn không nổi bật.

Ví dụ 2: Trong cuốn *“Sổ tay viết văn”*, nhà văn Tô Hoài tâm sự: *“...Tôi cho rằng ngay trong văn xuôi, cần phải đượm hồn thơ, có như thế văn xuôi mới trong sáng cất cao”*. Anh/chị hiểu như thế nào về những ý kiến trên? Hãy làm sáng tỏ vấn đề qua một tác phẩm truyện ngắn mà anh/chị tâm đắc.

Ở đề này, thay vì chọn dẫn chứng hay như tác phẩm *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam để chứng minh, học sinh lại lựa chọn những tác phẩm không thực sự tiêu biểu để minh chứng cho chất thơ trong truyện ngắn nói riêng và văn xuôi nói chung mà đề yêu cầu.

Ví dụ 3: Trong lời đề tựa cho tập *Ở thế gian* của Đỗ Trọng Khơi, nhà nghiên cứu Chu Văn Sơn viết: *Gốc của thơ đâu phải chuyện chế câu tạo chữ, trái lại thơ là phần người được gửi gắm vào ngôn ngữ, là phận người cất thành tiếng thậm chí*

là mệnh người kí trú trong lời [...] Thơ không là chốn dung thân duy nhất nhưng là cuộc gửi thân cuối cùng.

Anh/chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy phân tích một vài bài thơ để làm sáng tỏ ý kiến.

Ở ví dụ 3, thay vì chọn những dẫn chứng tiêu biểu như *Độc Tiểu Thanh kí* (Nguyễn Du); *Đàn ghi ta của Lorca* (Thanh Thảo); *Thương Vợ* (Tú Xương) để làm sáng tỏ cho vấn đề, học sinh lại không tinh nhạy khi chọn những tác phẩm như: *Tràng Giang* (Huy Cận), *Vội vàng* (Xuân Diệu), *Tây Tiến* (Quang Dũng)... Đây chưa phải là những dẫn chứng tiêu biểu, chưa phải là minh chứng thuyết phục nhất cho vấn đề được bàn tới.

Nguyên nhân của lỗi chọn dẫn chứng không tiêu biểu và có sức thuyết phục cao như nói ở trên có lẽ một phần xuất phát từ việc học sinh mang tâm lí học tủ, chỉ tập trung vào tác phẩm mình yêu thích mà học qua loa những tác phẩm không phải sở trường, không thuộc gu tiếp nhận. Mặt khác, do chưa thật sự ngấm tác phẩm, chưa được gợi dẫn, định hướng cách khai thác sẽ khiến học sinh không chọn được những dẫn chứng đáp ứng tốt yêu cầu của đề. Hơn nữa, nhiều học sinh lúng túng và chọn dẫn chứng không tiêu biểu còn một phần do hạn chế trong trải nghiệm văn học, kiến thức nền về tác phẩm chưa thật vững, chưa đạt đến độ nhuần nhuyễn để khi đọc đề đã xác định ngay được tác phẩm nào cần phải lựa chọn để chứng minh và chỉ tác phẩm đó mới là sự lựa chọn đúng nhất, hợp lí nhất.

2.2. Lỗi phân tích dẫn chứng

2.2.1. Lỗi phân tích dẫn chứng thuần túy, không bám vào định hướng của đề.

Qua thực tế chấm chữa bài của học sinh, trước hết chúng tôi nhận thấy nhiều học sinh khi phân tích dẫn chứng đã không bám vào định hướng của đề mà chỉ phân tích tác phẩm thuần túy, tức là cảm thụ tác phẩm đơn thuần ở hai phương diện nội dung và nghệ thuật. Lỗi này thường rơi vào kiểu đề liên quan đến kiến thức lí luận văn học

Ví dụ 1: Nhà thơ nổi tiếng người Đức Bertold Brecht cho rằng: *“Cái đẹp của thơ không nên chỉ làm nên ánh sáng kỳ bí của ma trôi hay ánh sáng nhân tạo rực rỡ của pháo hoa, của đèn màu cầu kỳ nhuộm hàng trăm sắc. Đẹp nhất là khi anh tạo nên được ánh sáng ban ngày, thứ ánh sáng tưởng như không màu, không sắc nhưng đó chính là ánh sáng mạnh mẽ và hữu ích nhất cho con người”.*

Anh/Chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua bài thơ *Cảnh ngày hè* của Nguyễn Trãi, hãy làm sáng tỏ.

Khi phân tích bài thơ *Cảnh ngày hè* của Nguyễn Trãi, học sinh phân tích tác phẩm theo bố cục thông thường là đề - thực - luận - kết hoặc hai ý: bức tranh thiên nhiên mùa hè tươi đẹp và tấm lòng gắn bó tha thiết với cuộc đời, với nước với dân của nhà thơ. Từ đó khái quát, đánh giá vai trò của nội dung, nghệ thuật tác phẩm

đơn thuần. Nếu phân tích như thế, học sinh sẽ không làm rõ được sự chân thực, dung dị về nội dung và nghệ thuật của bài thơ gắn với định hướng của đề.

Phân tích dẫn chứng đúng định hướng của đề	Phân tích dẫn chứng thuần túy không bám vào định hướng của đề
Bài thơ <i>Cảnh ngày hè</i> chính là bài thơ mà cái đẹp của nó được tạo nên bởi ánh sáng ban ngày, thứ ánh sáng tưởng như không màu, không sắc. Đó chính là sự chân thực dung dị cả về nội dung và nghệ thuật. Trước hết, sự chân thực, dung dị về nội dung của bài thơ thể hiện qua xúc cảm của Nguyễn Trãi khi miêu tả bức tranh ngày hè sinh động, bình dị mà khỏe khoắn và tràn đầy sức sống. Một bức tranh đậm đặc sắc màu, rộn rã âm thanh, ngào ngạt hương thơm của cỏ cây thảo mộc và nồng đượm hơi thở, sự sống của con người. Tác giả gọi tả những hình ảnh rất đặc trưng của mùa hè như <i>hoa thạch lựu, tán hòe xanh, hương sen thơm ngát</i>. Cảnh có sự kết hợp giữa đường nét, màu sắc, âm thanh, con người và cảnh vật: màu lục của lá hòe làm nổi bật màu đỏ của hoa thạch lựu và ánh mặt trời buổi chiều như rắc vàng lên những tán lá hòe. Tiếng ve – âm thanh đặc trưng của mùa hè hoà cùng tiếng <i>Lao xao chợ cá</i> – âm thanh đặc trưng của làng chài. Thi nhân đã đón nhận cảnh vật với nhiều giác quan: Thị giác, thính giác cùng sự liên tưởng hết sức tinh tế. Vẻ đẹp chân thực, dung dị về nội dung của bài thơ còn thể hiện ở sự rung động, suy tư và nỗi niềm tâm sự, cảm xúc chân thành củaỨc Trai. Từ bức tranh thiên nhiên sinh động và đầy sức sống ta thấy được sự giao cảm mạnh mẽ	Bài thơ <i>Cảnh ngày hè</i> đã khắc họa một cách chân thực bức tranh thiên nhiên mùa hè tươi đẹp.Mở đầu bài thơ là hoàn cảnh thưởng ngoạn thiên nhiên của thi nhân “ <i>Rồi hóng mát thuở ngày trường</i>”. Rồi ở đây là rảnh rỗi, nhàn nhã, không vướng bận điều gì. Thi nhân trong buổi ngày dài rỗi rãi lấy việc hóng mát làm niềm vui di dưỡng tâm hồn với một phong thái ung dung nhàn tản. Ông thưởng ngoạn thiên nhiên trong một hoàn cảnh lí tưởng: thời gian rảnh rỗi, tâm hồn thanh thản, không gian trong lành mát mẻ. Đây là thời khắc đáng quý của con người “nhàn thân mà không nhàn tâm”. Nguyễn Trãi ngắm cảnh thiên nhiên khi lui về ở ẩn ở Côn Sơn trong một tâm trạng bất đắc dĩ nhưng ông không hề chán nản mà luôn hòa nhập với thiên nhiên, mở lòng ra đón nhận cảnh vật thiên nhiên với tâm hồn thanh thoi trong cuộc sống nhàn nhã. Từ hoàn cảnh thưởng ngoạn thiên nhiên lí tưởng đó cảnh vật đã ùa về muôn màu muôn vẻ. Cây hòe đang độ phát triển xanh tươi tràn đầy sức sống và tỏa bóng rợp mát. Từ láy tượng hình, động từ “<i>đùn đùn</i>” gợi tả hình ảnh cây hòe với vòm lá xanh um cứ vươn cao tỏa rộng mau lẹ không ngừng, toát lên một sức sống mạnh mẽ tràn trề. Trên nền xanh của hòe là màu đỏ của hoa lựu đang phun ra những tia lửa đỏ rực, phô ra vẻ đẹp nồng nàn của mùa hè. Nguyễn Du

nhưng tinh tế của nhà thơ đối với cảnh vật. Nguyễn Trãi yêu thiên nhiên, có sự đồng cảm với thiên nhiên sâu sắc. Thiên nhiên qua cảm xúc của thi sĩ trở nên sinh động đáng yêu và đầy sức sống, cội nguồn sâu xa là lòng tha thiết yêu đời, yêu cuộc sống của tác giả. Mặt khác, trong bất cứ hoàn cảnh nào Nguyễn Trãi cũng canh cánh bên lòng nỗi niềm ưu ái đối với dân với nước. Câu kết của bài thơ là một câu lục ngôn ngắn gọn *Dân giàu đủ khắp đòi phương* thể hiện sự dồn nén cảm xúc của cả bài. Điểm kết tụ của hồn thơỨc Trai không phải ở thiên nhiên, tạo vật mà chính là ở con người, ở người dân. Nguyễn Trãi mong cho dân được ấm no, hạnh phúc *Dân giàu đủ*, nhưng đó phải là hạnh phúc cho tất cả mọi người, mọi nơi *khắp đòi phương*. Bài thơ chứa đựng tư tưởng thân dân của một con người vĩ đại.

Không chỉ chân thực giản dị về nội dung mà nghệ thuật của bài thơ cũng hết sức giản dị, mộc mạc. Vẻ đẹp giản dị của nghệ thuật thơ được biểu hiện ở việc Nguyễn Trãi đã Việt hóa thể thơ Đường luật bằng việc sáng tạo những câu thơ lục ngôn xen lẫn câu thơ thất ngôn; nghệ thuật đối cân chỉnh; biện pháp đảo trật tự cú pháp... Những sáng tạo nghệ thuật này làm cho ý thơ chắc khỏe, tạo sự mới lạ về nhạc điệu, nhạc tính cho bài thơ. Sử dụng tiếng Việt giản dị, tự nhiên, mộc mạc, giàu sức biểu cảm. Bài thơ không có từ nào cầu kì, khó hiểu. Tất cả đều gần gũi, quen thuộc như lời nói trong cuộc sống thường ngày. Nguyễn Trãi đã đưa ngôn

cũng từng miêu tả “*Dưới trăng quyên đã gọi hè – Đầu tường lửa lựu lập lòe đơm bông*”. Cả hai thi sĩ đều có cái nhìn tinh tế với cảnh vật song từ *lập lòe* trong câu thơ của Nguyễn Du thiên về hình sắc còn từ *phun* trong câu thơ của Nguyễn Trãi thiên về tả sức sống. Có cái gì đó thôi thúc tự bên trong đang ứa căng tràn đầu không kìm lại được phải phun ra hết lớp này đến lớp khác. Sự kết hợp giữa động từ mạnh phun với từ thức (màu vẽ, dáng vẽ, không chỉ là màu sắc đơn thuần) khiến câu thơ nghiêng về trạng thái tinh thần của cảnh vật. Hai câu thơ cho thấy sự tương phản giữa màu đỏ của hoa lựu với màu xanh của hòe tạo ấn tượng mới mẻ về sự vận động của màu sắc, sức sống mãnh liệt của hoa lá. Bức tranh thiên nhiên mùa hè không chỉ có màu xanh của hòe, màu đỏ của lựu mà còn cả hoa sen hồng dưới ao ngát mùi hương tỏa khắp không gian và âm thanh của tiếng cầm ve “*dắng dỏi*”. Đó là âm sắc cao, chói, ngân dài, vang xa in hời làm cho cảnh chiều tà trở nên vui tươi, sống động gợi tả một cuộc sống nhộn nhịp ấm no. Có thể nói, tác giả đã cảm nhận thiên nhiên bằng mọi giác quan và bằng cả tâm hồn tinh tế, giàu cảm xúc của mình vì thế thiên nhiên hiện lên thật sinh động, tràn đầy sức sống, thi nhau trở dáng, khoe sắc tỏa hương qua đó người đọc cũng cảm nhận được một tình yêu thiên nhiên tha thiết của thi nhân.

Bài thơ không chỉ khắc họa một bức tranh thiên nhiên tươi đẹp cùng tình yêu thiên nhiên tha thiết của Nguyễn Trãi mà còn thể hiện tấm

ngữ đời sống, ngôn ngữ dân gian vào thơ một cách linh hoạt và đầy sáng tạo, giàu sức gợi. Các động từ *đùn đùn, giương, phun, tiến* thể hiện sức sống mãnh liệt của cảnh vật...

Cảnh ngày hè của Nguyễn Trãi là bài thơ soi sáng tâm hồn con người, mang lại ý nghĩa thiết thực cho đời sống. Bài thơ bồi đắp cho tâm hồn người đọc tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống và yêu quê hương đất nước.

lòng gắn bó tha thiết với cuộc sống, với nước với dân của nhà thơ. Ông mở rộng hồn mình để thu nhận những âm thanh của cuộc sống “*Lao xao chợ cá làng ngư phủ*”. Từ láy *lao xao* gợi sự ồn ào, nhộn nhịp của chợ cá làng quê. Âm thanh đó dội đến từ phía làng chài hay chính tác giả đang rộn rã niềm vui trước cảnh dân giàu đủ. Từ niềm vui, thi nhân dựng lên một ước muốn cao đẹp, cháy bỏng: “*Đẽ có Ngư cầm đàn một tiếng – Dân giàu đủ khắp đòi phương*”. Nhà thơ muốn có cây đàn của vua Nghiêu Thuấn để gảy lên khúc Nam Phong ca ngợi cuộc sống ấm no hạnh phúc của nhân dân. Với Nguyễn Trãi vui hay buồn, lo âu hay thanh thản đều xuất phát từ cuộc sống của nhân dân. Tấm lòng của Nguyễn Trãi với dân với nước luôn thường trực trong lòng, ước muốn cho dân giàu nước mạnh là niềm trăn trở suốt cuộc đời ông. Đây là tư tưởng nhập thể tích cực của Nguyễn Trãi ngay cả khi đã về nhàn.

Ví dụ 2: Trong lời đề tựa cho tập ***Ở thế gian*** của Đỗ Trọng Khơi, nhà nghiên cứu Chu Văn Sơn viết: *Gốc của thơ đâu phải chuyện chế câu tạo chữ, trái lại thơ là phần người được gửi gắm vào ngôn ngữ, là phận người cất thành tiếng thậm chí là mệnh người kí trú trong lời [...] Thơ không là chốn dung thân duy nhất nhưng là cuộc gửi thân cuối cùng.*

Anh/chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy phân tích một vài bài thơ để làm sáng tỏ ý kiến.

Với đề bài này, học sinh có thể lựa chọn một số tác phẩm để chứng minh cho nhận định. Nhưng trong quá trình chứng minh nhiều bài không thực sự làm sáng tỏ được vấn đề do chỉ phân tích tác phẩm thuần túy. Chẳng hạn, có bài học sinh chọn bài thơ *Thương vợ* của Tú xương để minh chứng nhưng không làm rõ được vẻ đẹp nội dung của bài thơ trong việc thể hiện *phần người, phận người* và *mệnh người* qua hai hình tượng trữ tình là bà Tú và ông Tú. Vì vậy học sinh dù có phân tích

như thế nào cũng không đánh giá được hết tình cảm biết ơn, thấu hiểu sâu sắc của Tú Xương dành cho người vợ giàu đức hy sinh, tảo tần, chịu thương chịu khó (phần người của tác phẩm); không hiểu được nỗi vất vả, cơ cực, gánh nặng của bà Tú và bi kịch của ông Tú – người trí thức trong xã hội phong kiến (phần người được nói đến); không lí giải được hết ý nghĩa của chữ *duyên*, *nợ*, *phận* (những yếu tố liên quan đến mệnh người)...

Lỗi phân tích tác phẩm thuần túy không theo định hướng của đề bài sẽ ảnh hưởng nhiều đến chất lượng bài viết, khiến cho bài làm không có sức thuyết phục, tạo cho người đọc cảm giác bài viết tách rời hai phần bình luận và chứng minh chứ không phải một mạch cảm xúc hòa quyện, lô gic. Phân tích dẫn chứng không gắn với định hướng của đề bài còn dẫn đến hiện tượng nói một đằng làm một nẻo, đầu Ngô mình Sở. Lỗi này thường gặp nhất là ở đội tuyển học sinh giỏi lớp 10 gắn với kiểu bài lí luận văn học nhiều hơn, bởi khi học ở chương trình THCS các em thiên về cảm thụ tác phẩm thuần túy, kiến thức lí luận văn học còn mỏng. Học sinh chưa được rèn luyện thường xuyên kĩ năng gắn lí luận với thực tiễn trong bài viết.

2.2.2. Lỗi phân tích dẫn chứng không trùng với yêu cầu của đề bài

Mỗi đề văn, nhất là đề văn hay, người ra đề ngoài những yêu cầu bình thường, luôn chứa đựng trong đó một ẩn ý sâu xa mà chỉ có học sinh chịu khó tìm hiểu suy nghĩ kĩ mới có thể phát hiện và đáp ứng được.

Ví dụ 1: Nhà văn Lêônít Lêônốp có nói: “*Mỗi tác phẩm phải là một phát minh về hình thức và một khám phá về nội dung*”. Anh/chị hãy bình luận ý kiến trên.

Khi làm đề này nhiều học sinh đã mắc lỗi phân tích dẫn chứng không trùng đề bài. Học sinh phân tích dẫn chứng làm sáng tỏ cho vấn đề tầm quan trọng của mối quan hệ giữa nội dung và hình thức nghệ thuật trong một tác phẩm văn học. Nhưng thực chất vấn đề cơ bản của đề này lại yêu cầu phân tích dẫn chứng làm sáng tỏ bản chất của sáng tạo văn học nghệ thuật. Bản chất ấy là: mỗi tác phẩm luôn luôn là một khám phá mới, một phát hiện mới cả nội dung và hình thức, khơi những nguồn chưa ai khơi.

Ví dụ 2: Có ý kiến cho rằng: “*Suốt dọc bài thơ Tây tiến của Quang Dũng có một sự phối kết nhuần nhuyễn hai bề cảm xúc hào hùng và hào hoa*”. Anh/chị hãy phân tích và làm sáng tỏ.

Học sinh đã phân tích cái hào hùng và hào hoa là gì? Thể hiện ở chỗ nào trong bài thơ Tây tiến? Trong khi bản chất yêu cầu của đề lại không phải như vậy. Vấn đề quan trọng ở đây phải phân tích sự phối kết nhuần nhuyễn hai bề cảm xúc ấy trong bài thơ. Vì phân tích dẫn chứng không trùng đề nên học sinh không làm nổi bật được trọng tâm là hai bề cảm xúc ấy được thể hiện như thế nào trong bài thơ.

Ví dụ 3: “Văn chương không chỉ đem lại mỹ cảm mà đó còn là một phương tiện tuyệt vời để khám phá một vùng đất, thấu hiểu một quốc gia và cảm mến một dân tộc.”

(Nguyễn Nhật Ánh, trích diễn từ đọc tại lễ trao giải thưởng văn học ASEAN tại Bangkok, Thái Lan, 2010)

Anh/chị hiểu như thế nào về ý kiến trên? Bằng những trải nghiệm văn học của mình hãy làm sáng tỏ.

Với đề này lẽ ra học sinh phải chọn và phân tích dẫn chứng để làm nổi bật chức năng, ý nghĩa lớn lao mà văn chương đem lại. Đó là sự hiểu biết và cảm xúc về cái đẹp “mỹ cảm” và sự hiểu biết; những điều mới mẻ và nuôi dưỡng trong con người những tình cảm nhân văn “Khám phá một vùng đất, thấu hiểu một quốc gia và cảm mến một dân tộc” nhưng học sinh lại phân tích dẫn chứng không trùng với yêu cầu của đề bài, cụ thể như sau:

Văn chương là chuyện của văn chương, ai cũng nghĩ người nghệ sĩ sẽ dùng ngôn ngữ thơ văn để viết nhưng một tác giả người Italia Paolo Giordiano – một nhà vật lý học đã kết hợp ngôn ngữ văn học với ngôn ngữ toán học. Mềm mại uyển chuyển cùng khô khan hàn lâm là điều không thể song Paolo đã kết hợp vô cùng điêu luyện và nhuần nhuyễn. Lấy mô hình toán học số nguyên tố sinh đôi (11 và 13, 17 và 19...) để nói về nỗi cô đơn của một kiếp người. Có những người sinh ra là để dành cho nhau nhưng lại không bao giờ có thể đến được với nhau bởi sự ngăn cách của một bức tường vô hình như con số 11 và 13 bị chia rẽ bởi con số 12. Nguyên do dẫn đến sự chia cắt đau lòng này là gì? Đó là sự cô đơn mặc cảm của kiếp người, khao khát được đồng cảm sẻ chia mà không muốn bất kì ai biết về nỗi đau con người mình, khao khát được ở bên một ai đó, được yêu nhưng lại không thể chủ động tiến đến mà phô bày con người thật của mình khiến người đối diện mãi mãi chỉ có thể đối mặt với cánh cổng lạnh lùng của lòng người, muốn bước vào nhưng cánh cửa lại chẳng thể mở ra. Mô hình số nguyên tố ấy đã giúp độc giả hình dung sâu sắc và rõ nét hơn về nỗi cô đơn của một con người. Đó là một sự kết hợp hiếm thấy giữa hai lĩnh vực, hai thái cực đối đầu nhau khi một bên nặng về trái tim còn một bên nặng về lý trí. Nhưng bằng lối hành văn xuất sắc, Paolo đã thể hiện cuốn tiểu thuyết Nỗi cô đơn của các số nguyên tố một cách thấm thía và xót xa, tạo cho người đọc cảm thức về mối liên hệ giữa những mô hình toán học được sử dụng để tạo nên hình tượng văn học. Và chắc chắn rằng, đâu đó trong vô vàn những định lý toán học sẽ có sự gặp gỡ, sẽ được dùng để tạo dựng nên nhân vật trung tâm của văn học. Đó là những vẻ đẹp mà nghệ thuật đem lại cho con người thông qua tài năng sử dụng ngôn ngữ của người nghệ sĩ...

(Trích nguyên văn bài làm của học sinh)

Nguyên nhân của lỗi phân tích dẫn chứng không trúng đề bài như trên là do học sinh nhận thức đề không đúng và trúng. Mặt khác nếu học sinh không có ý thức tự học, tự trau dồi để mở rộng kiến văn thì khi phân tích dẫn chứng sẽ chỉ dám chọn những tác phẩm quen thuộc, viết nhiều theo kiểu học tủ cho dù những tác phẩm ấy không thực sự phù hợp để soi sáng vấn đề. Đặc biệt việc học sinh chọn minh chứng bằng những tác phẩm ngoài chương trình, những tác phẩm văn học nước ngoài có thể coi là một tiêu chí đánh giá năng lực của học sinh giỏi nhưng cũng là một thử thách thực sự với các em. Nếu không viết chắc tay, chưa thật sự nắm tác phẩm, chưa được gợi dẫn, định hướng cách khai thác sẽ khiến cho việc cảm thụ lan man, không thỏa mãn yêu cầu đề bài đặt ra.

2.2.3. Lỗi phân tích dẫn chứng sơ lược, không có chiều sâu hoặc thiếu phân tích dẫn chứng.

Phân tích dẫn chứng còn quan trọng hơn cả bản thân dẫn chứng. Tuy nhiên trong những dạng đề không giới hạn phạm vi dẫn chứng, học sinh đôi khi lại chưa ý thức khai thác dẫn chứng sâu sắc và hay mà ôm đồm nhiều dẫn chứng. Nói cách khác học sinh nghiêng về số lượng dẫn chứng trong bài viết chứ chưa phải phân tích chất lượng dẫn chứng được lựa chọn. Chẳng hạn đề bài yêu cầu phân tích chứng minh bằng một tác phẩm văn xuôi, nhiều học sinh sa vào kể lể, tóm tắt tác phẩm chứ không phải là phân tích để làm sáng tỏ ý kiến. Trong khi, đề yêu cầu phân tích tác phẩm thơ, học sinh lại đi diễn xuôi tác phẩm chứ không cảm thụ từ ngữ, hình ảnh.

Ví dụ: *Thơ không phải là hoa trong chậu cảnh. Ở đó tất cả đều hiện ra trước mắt anh, anh không phải tìm đâu thêm. Thơ giống như hoa trên đồng nội, trên rặng núi Anơ, mỗi bước đi lại hứa hẹn thêm một bông hoa mới, kì diệu hơn (Raxun Gam za top)*

Bằng những trải nghiệm văn học của mình anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

Khi phân tích dẫn chứng làm sáng tỏ vấn đề về tính đa nghĩa, khả năng ẩn chứa và bung tỏa diệu kì của thi ca...mà đề bài đã đặt ra, học sinh chọn khá nhiều tác phẩm nhưng có tác phẩm lại phân tích thiếu chiều sâu. Chẳng hạn như:*Ngay từ khổ thơ đầu tiên, Đây thôn Vĩ Dạ đã đem đến cho người đọc cảm giác mới lạ:*

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền*

Bốn câu thơ đầu tả cảnh, thiên nhiên hiện lên thật đẹp và thơ mộng. Có “nắng mới lên” trong xanh tỏa sáng cả khu vườn. Có màu xanh trong trẻo của cây cối trong vườn, được tác giả ví von thật hoa mỹ “xanh như ngọc”. Câu thơ đầu là lời mời gọi, những câu thơ sau cảnh hiện lên để thu hút người đọc. Thế nhưng liệu

đó có phải là một bức tranh tả cảnh thông thường? Nhà thơ viết *Đây thôn Vĩ Dạ* khi đang ở trại phong Quy Hòa, cách xa quê hương và mọi cảnh chỉ là tưởng tượng trong tâm trí thi nhân. Trong cảnh có tình, đằng sau bức tranh tả thôn Vĩ chính là nỗi nhớ quê tha thiết của Hàn Mặc Tử. Thi nhân luôn khao khát được trở về chốn cũ, được nhìn thấy tận mắt khung cảnh quen thuộc mà nay đã rất xa xôi. Bốn câu thơ không có lấy một từ nhớ nhưng ta lại cảm nhận được tình cảm mãnh liệt của nhà thơ với quê hương. Viên Mai từng nói “Thơ là cái đạm những đó là đạm sau khi đã nồng”. Tình yêu quê và nỗi nhớ da diết cháy bỏng của thi sĩ họ Hàn được thể hiện qua hình thức thật đạm, những tưởng chỉ là bức tranh tả cảnh mà lại chứa chan những cảm xúc. Người đọc phải không ngừng tìm hiểu để đồng cảm mới thấy được nỗi lòng thi nhân gửi gắm. Tính đa nghĩa hàm súc của câu thơ được vận dụng triệt để nhằm bày tỏ cảm xúc của nhà thơ. Đặc biệt câu thơ cuối gợi nhiều trường liên tưởng thú vị qua hình ảnh “mặt chữ điền”. Cảnh đẹp giờ có thêm người. Nhờ tâm hồn nhà thơ đẹp nên cảnh cũng nhờ đó mà trở nên tuyệt vời hơn...

(Trích nguyên văn bài làm của học sinh)

Như vậy, trong đoạn văn trích dẫn ở trên ta thấy học sinh chọn bốn câu thơ đầu trong bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử để minh chứng cho nhận định là tiêu biểu, sát hợp, bám sát với vấn đề cần nghị luận nhưng trong quá trình phân tích lại chưa thật sâu sắc đặc biệt câu thơ thứ 4 tính đa nghĩa được thể hiện đậm nét nhưng học sinh lại phân tích quá sơ sài.

Không chỉ phân tích dẫn chứng sơ sài, thiếu chiều sâu, có bài viết học sinh còn chỉ liệt kê dẫn chứng chứ không phân tích dẫn chứng, không khai thác được các từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ... đặc sắc để làm sáng tỏ vấn đề. Chẳng hạn ở đề: “*Văn chương không chỉ đem lại mỹ cảm mà đó còn là một phương tiện tuyệt vời để khám phá một vùng đất, thấu hiểu một quốc gia và cảm mến một dân tộc.*”

(Nguyễn Nhật Ánh, trích diễn từ đọc tại lễ trao giải thưởng văn học ASEAN tại Bangkok, Thái Lan, 2010)

Anh/chị hiểu như thế nào về ý kiến trên? Bằng những trải nghiệm văn học của mình hãy làm sáng tỏ.

Khi giải quyết đề này ở phần phân tích dẫn chứng học sinh đã viết: ...*Khi cha ông nghe tiếng vó ngựa khua ngoài biên ải thì “Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt nước mắt đầm đìa. Chỉ hận không thể lột da, nuốt gan, uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa ta cũng vui lòng” (Hịch tướng sĩ – Trần Quốc Tuấn).* Suy nghĩ đó của Trần Quốc Tuấn cũng là suy nghĩ chung của trang nam nhi thời thịnh Trần, ngày đêm canh cánh ý chí đánh giặc cứu nước. Qua đó ta có thể thấy cả một thời đại của những con người anh hùng, của một đất nước anh hùng trong áng văn

*của Trần Quốc Tuấn. Đến thời văn Trần khúc tráng ca ngày nào đã trở thành khúc
bi ca làm tráng sĩ bất lực trước thời cuộc*

Quốc thù vị báo đầu tiên bạch

Kỉ độ Long Tuyền đái nguyệt ma

*Hào khí, tráng chí bốn phương tha thiết nay còn đâu chỉ còn một sự bi phần
của người anh hùng không gặp thời. Đọc những dòng thơ này, ta dường như thấy
được một nét đẹp trong chí làm trai của những trang nam nhi, bậc anh hùng, đáng
trưng phu xưa...*

(Bài viết của học sinh)

Hoặc ở một ví dụ khác: Bàn về bài “ Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” sách văn
11 cho rằng “*Lần đầu tiên trong lịch sử văn học dân tộc có một tượng đài nghệ
thuật sừng sững về người nông dân tương xứng với phẩm chất vốn có ngoài đời
của họ*”.

Anh/chị hiểu ý kiến trên như thế nào và qua bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc
của Nguyễn Đình Chiểu hãy làm sáng tỏ.

Ở đề này, có bài học sinh viết: ...*Tác giả đã miêu tả những người dân nghèo
khổ qua câu thơ: “Việc cuộc việc cày tay vốn quen làm”. Những người chiến sĩ
được tác giả khắc họa rất đậm nét. Đó là những nghĩa quân chiến đấu rất anh
dũng, dùng dao xông vào chém ngược chém xuôi “coi giặc cũng như không”*

(Bài làm của học sinh)

Nguyên nhân của lỗi phân tích dẫn chứng sơ lược, không có chiều sâu là do
khi chứng minh, học sinh còn tham đưa ra quá nhiều tác phẩm để phân tích trong
khi thời gian làm bài hạn chế dẫn đến tình trạng tác phẩm nào cũng phân tích chõn
vòn, chưa chạm được tới vấn đề và càng về sau càng hời hợt thiên về liệt kê dẫn
chứng hơn là phân tích dẫn chứng. Nhưng nguyên nhân sâu xa hơn còn do kiến
thức tác phẩm của học sinh chưa thật chắc chắn và thâm sâu, nhuần nhuyễn, không
nhớ được những chi tiết, những câu thơ, câu văn tiêu biểu dẫn đến việc cảm thụ,
phân tích tác phẩm sơ sài, không có chiều sâu.

2.2.4. Lỗi phân tích sai dẫn chứng

Lỗi phân tích sai dẫn chứng là điều “*cấm kị*” đối với học sinh giỏi nhưng đâu
đó trong bài viết của học sinh ta vẫn thấy lỗi này, chẳng hạn như:

Ví dụ:

Bèo dạt về đâu hàng nối hàng

Mênh mông không một chuyến đò ngang

Không cầu gọi chút niềm thân mật

Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng

Màu xanh là màu tượng trưng cho hòa bình. Ở đây nó là màu của ấm no, hạnh phúc. Còn màu vàng là màu của “*hình hài đất nước*”. Ở đây nó thể hiện sự ấm no.

Nguyên nhân của lỗi phân tích sai dẫn chứng cũng là do học sinh chưa thật chắc chắn kiến thức nền, khả năng đọc hiểu văn bản nhất là những văn bản văn học ngoài chương trình, văn bản nước ngoài còn hạn chế.

Collected by: hoctot365.edu.vn

Chương 3: CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC LỖI CHỌN VÀ PHÂN TÍCH DẪN CHỨNG TRONG BÀI LÀM CỦA HỌC SINH

3.1. Kỹ năng chọn dẫn chứng trong bài văn nghị luận văn học

3.1.1. Nhận diện đề

Để chọn đúng dẫn chứng theo định hướng của đề bài, giáo viên cần giúp học sinh nhận diện đề hay còn gọi là phân tích đề. Mục đích của nhận diện đề là để xác định đúng các yêu cầu của đề và phạm vi dẫn chứng mà đề yêu cầu làm sáng tỏ. Từ đó khắc phục được lỗi chọn dẫn chứng không chính xác, không tiêu biểu và có sức thuyết phục cao. Học sinh có thể có những cách phân tích đề, xác định vấn đề cần nghị luận khác nhau, nhưng thông thường cần trải qua các bước:

Bước thứ nhất: Học sinh cần đọc kĩ đề. Đề bài thường nêu vấn đề bằng cách trích dẫn một câu nói, một ý kiến, nhận xét của một nhà nghiên cứu lí luận, của người sáng tác... , yêu cầu học sinh cảm nhận, bình luận...và làm sáng tỏ bằng tác phẩm. Đọc kĩ đề sẽ giúp học sinh khai mở được vấn đề cần nghị luận và không bỏ sót những yêu cầu của đề.

Bước thứ hai: Cần xác định trúng vấn đề trọng tâm cần bàn luận để lựa chọn dẫn chứng phù hợp.

Bước thứ ba: Xác định phạm vi dẫn chứng mà đề yêu cầu (bắt buộc hay tự chọn hay vừa bắt buộc vừa tự chọn). Đối với đề bài yêu cầu chứng minh bằng một hoặc một vài tác phẩm, tác giả cho trước thì học sinh cần tìm trong tác phẩm, tác giả ấy những kiến thức để làm sáng tỏ vấn đề. Đối với đề bài yêu cầu học sinh tự chọn tác giả, tác phẩm để làm sáng tỏ ý của nhận định thì học sinh cần cân nhắc, lựa chọn tác giả, tác phẩm phù hợp dựa vào những ví dụ minh họa của giáo viên. Học sinh nên lựa chọn và phân tích những tác phẩm trong chương trình Ngữ văn THPT hoặc của một nhà văn mà mình yêu thích sẽ có điều kiện hiểu sâu hơn.

Ví dụ:

*Dù con ong lấy khách-thể-hoa làm bản-ngã-mật của mình
Hay con tằm đem bản thể mình kéo tơ cho đời mặc
Dù ong phải bay ngàn cánh bay mới nên giọt mật
Hay tằm giam mình tại chỗ nhả ra tơ
Trong sáng tạo, chúng ở đâu hai cực
Nào con nào đã được nhón nơ
Thế mà anh muốn đưa tay hái trời không nhọc sức
Ngỡ bước chân lên thì thi tứ sẵn chờ*

(Thơ bình phương – Đòi lập phương”, Chế Lan Viên)

Bằng trải nghiệm văn học của mình về thơ ca của Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, anh/chị hãy làm sáng tỏ quan niệm của nhà thơ Chế Lan Viên gửi gắm qua hình tượng *con ong* và *con tằm* trong đoạn thơ trên.

Nhận diện đề:

Bước thứ nhất: Đọc kĩ đề, xác định nội dung bàn luận. Cần chú ý đến các cụm từ, hình ảnh: con ong – lấy khách thể hoa làm bản ngã mật; bay ngàn cánh bay mới nên giọt mật; con tằm – đem bản thể mình kéo tơ cho đời mặc; giam mình tại chỗ nhả ra tơ; ở hai đầu cực; nào con nào có được nhơn nhơ

Bước thứ hai: Từ các cụm từ; hình ảnh trên, có thể xác định vấn đề cần bàn luận là nhà văn và quá trình sáng tạo.

Bước thứ ba: Phạm vi dẫn chứng vừa bắt buộc vừa tự chọn. Dẫn chứng bắt buộc là thơ Nguyễn Du; Nguyễn Trãi; dẫn chứng tự chọn là bất kì tác phẩm thơ ca nào của Nguyễn Du, Nguyễn Trãi mà bản thân tâm đắc và dẫn chứng mở rộng về những trải nghiệm, thăng trầm trong cuộc đời Nguyễn Trãi, Nguyễn Du để thấy được cả kiểu nghệ sĩ con ong và con tằm ở hai nhà thơ này.

3.1.2. Tích lũy và chia sẻ dẫn chứng độc đáo

Việc tạo cho học sinh một thói quen tích lũy dẫn chứng, có một nguồn dẫn chứng phong phú là rất cần thiết giúp học sinh dễ dàng tìm được dẫn chứng đảm bảo các yêu cầu: đúng; đủ; tiêu biểu; chính xác; phù hợp, độc đáo, mới mẻ... Từ việc tích lũy dẫn chứng học sinh chủ động chia sẻ với bạn bè, thầy cô để tăng độ phong phú và hiệu quả của nguồn dẫn chứng đã tích lũy được theo định hướng. Quá trình tích lũy và chia sẻ dẫn chứng có thể theo nhiều cách khác nhau xong cần trải qua một số bước cơ bản sau:

Bước 1: Xác định mục tiêu thu thập dẫn chứng. Điều này sẽ định hướng cho học sinh tìm dẫn chứng tập trung, có tính phát hiện tránh việc đọc dàn trải, không hiệu quả.

Bước 2: Tìm kiếm dẫn chứng trên các nguồn khác nhau. Việc này sẽ đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và mới mẻ cho dẫn chứng.

Bước 3: Phân loại dẫn chứng theo những vấn đề, nội dung kiến thức có thể hỏi trong bài văn nghị luận văn học

- Ở kiểu bài lí luận văn học: các vấn đề về Đặc trưng; chức năng văn học; nhà văn và quá trình sáng tác; phong cách văn học; tiếp nhận văn học; đặc trưng thể loại...

- Ở kiểu bài cảm thụ, so sánh văn học...: Các giai đoạn; trào lưu khuynh hướng; tác gia, tác phẩm văn học...

Bước 4: Đọc và chọn lọc thông tin ghi chép.

Bước 5: Chia sẻ nguồn dẫn chứng tích lũy được với bạn bè; thầy cô

Như vậy việc tích lũy dẫn chứng cần phát huy tính tích cực chủ động của học sinh và cần phải tiến hành dài hơi, có sự đầu tư thường xuyên, liên tục. Nếu học sinh tích lũy được nguồn dẫn chứng phong phú, độc đáo theo định hướng sẽ tăng thêm sức thuyết phục cho bài viết. Giáo viên tránh cung cấp sẵn dẫn chứng

nghư một bài văn mẫu cho học sinh sẽ khiến học sinh thụ động, sử dụng dẫn chứng không linh hoạt. Cần tăng cường hoạt động trao đổi dẫn chứng để học sinh có thể ghi chép và học hỏi thêm dẫn chứng mà các bạn tìm được.

3.2. Kỹ năng phân tích dẫn chứng trong bài văn nghị luận văn học

3.2.1. Phân tích dẫn chứng theo hệ thống luận điểm đã xây dựng

Đề bài thường yêu cầu học sinh phân tích tác phẩm để làm sáng tỏ vấn đề bằng hệ thống luận điểm phù hợp. Với đề bài có sẵn luận điểm về vấn đề cần bàn luận, có thể chia tách các luận điểm bám sát ý của nhận định đã được triển khai ở phần bàn luận vấn đề, sau đó dùng kiến thức tác phẩm văn học để chứng minh. Còn với đề bài không có sẵn luận điểm về vấn đề cần nghị luận, học sinh có thể theo ý riêng để xây dựng luận điểm trong phần chứng minh gắn với nội dung tác phẩm hoặc có thể xây dựng luận điểm bám sát ý của nhận định đã được triển khai ở phần bàn luận vấn đề, sau đó vận dụng kiến thức từ tác phẩm văn học đã chọn để chứng minh.

Ví dụ: Sáng 5/4/2019, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã tổ chức buổi tọa đàm văn học “*Khám phá tiểu thuyết*” với sự hiện diện của nhà văn Diêm Liên Khoa (Trung Quốc). Trong buổi tọa đàm ông có phát biểu: “*Văn học chỉ quan tâm đến cái thiện và tình yêu là nông cạn*” và ông đặt ra vấn đề: Nhà văn cần “*đứng trong bóng tối để đánh thức, khơi dậy những điều chân, thiện, mỹ*”.

(Dẫn theo Kim Nhung, vannghequandoi.com.vn/ sự-kiện, 5/4/2019)

Bằng trải nghiệm văn học của mình, anh/ chị hãy tranh biện với nhà văn Diêm Liên Khoa về quan niệm trên.

Đây là đề bài có sẵn luận điểm về vấn đề cần bàn luận nên khi chứng minh học sinh chia tách các luận điểm bám sát ý của nhận định như sau:

***Luận điểm 1:** Nhà văn cần “*đứng trong bóng tối để đánh thức, khơi dậy những điều chân, thiện, mỹ*”:

- Gợi ý cách chọn tác phẩm để chứng minh:
- + Phải chọn tác phẩm có chứa đựng yếu tố mặt xấu, cái ác, “góc khuất”, “bóng tối”, mâu thuẫn, nghịch dị, bản năng, lố lăng, kịch côm,...
- + Phải chọn tác phẩm có tính xuyên suốt, toàn diện, trong và ngoài chương trình.

+ Chọn tác phẩm sau:

@*Tám Cám*: khai thác những mâu thuẫn, những đối nghịch

@ *Thơ Hồ Xuân Hương*: con người với những khát vọng bản năng.

@ *Thơ Nguyễn Công Trứ*: những vấn đề thế sự của đời.

@ *Thơ Tú Xương*: Những nhieu nhường, hài hước ngược đời.

@*Thơ Tản Đà, Huy Cận, Hàn Mặc Tử*: những điều buồn nản, mặc cảm, cô đơn, đau thương.

@ *Người trong bao* (Sê – khớp)

@ *Số đỏ* (Vũ Trọng Phụng): những cái xấu, cái ác, bóng tối, cái ô trọc, lố lăng, đồi bại được nhà văn khai thác triệt để

@ *Chí Phèo* (Nam Cao): Cách miêu tả con người xấu xí, thô kệch, có phần “tự nhiên” (Chí Phèo, Thị Nở, Lang Rận).

- Cách chứng minh và phải đảm bảo các yêu cầu về nội dung:

+ Về hình thức chứng minh: không liệt kê tuần tự tác phẩm, chọn tác phẩm để phân tích kĩ

+ Phải đảm bảo được ý: nhà văn đứng trong bóng tối để viết về cái xấu, cái ác, cái bản năng, ... nhưng quan trọng hơn là khơi lên khát vọng hướng về cái chân, thiện, mỹ.

* **Luận điểm 2:** Có những trang văn viết về tình yêu, chỉ đề cập đến cái thiện nhưng không hề “*nông cạn*” mà vẫn cùng góp phần hướng đến cái thiện:

- Chọn dẫn chứng:

@ *một câu ca dao tỏ tình của người Việt*

@ *Truyện của Thạch Lam*

@ “*Sóng*” của Xuân Quỳnh.

@ “*Mảnh trăng cuối rừng*” của Nguyễn Minh Châu

- Cách phân tích dẫn chứng: phân tích ngắn gọn, vì đây là luận điểm đòn bẩy, có tính chất tranh biện, làm rõ hơn cho luận điểm trên.

3.2.2. Phân tích dẫn chứng theo hướng từ nghệ thuật làm nổi bật nội dung vấn đề.

Một trong những lỗi khi phân tích dẫn chứng của học sinh là phân tích chung chung, không có chiều sâu, ít chú ý đến nghệ thuật. Chính vì thế bài viết không đạt chất lượng cao. Phân tích nội dung không thôi coi như bài văn mới làm được một nửa. Trong quá trình phân tích dẫn chứng phải kết hợp cả nội dung và nghệ thuật. Điều này đòi hỏi học sinh phải am hiểu sâu sắc tác phẩm; có vốn hiểu biết về các phương diện nghệ thuật của tác phẩm, phải chỉ ra và phân tích được hiệu quả tác dụng, ý nghĩa tu từ của nó. Chẳng hạn khi lựa chọn đoạn thơ sau trong bài thơ *Vội vàng* của Xuân Diệu:

*Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn;
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và mây, và cỏ rặng,*

*Cho chuếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;
-Hồi xuân hồng ta muốn cắn vào người!*

để chứng minh cho ý kiến “Giọng điệu là một thành tố không thể thiếu trong việc xây dựng và triển khai tư tưởng xúc cảm của nhà thơ” (khrapchenko), học sinh cần phân tích những đặc sắc nghệ thuật như: Điệp từ *ta muốn* được lặp lại dồn dập, mạnh mẽ, cuồng nhiệt đặt trong lập cú pháp tăng tiến đi liền với hàng loạt động từ mạnh “ôm, riết, say, thấu, cắn” đã làm nên giọng điệu hồ hởi, vô vấp, gấp gáp như muốn thấu nhận hết thảy tinh hoa của đất trời với trạng thái nồng nàn viên mãn...

3.2.3. Phân tích dẫn chứng trong sự so sánh đối chiếu với tác phẩm khác.

Một bài văn hay không chỉ thể hiện cái nhìn sâu sắc của người viết mà còn biết liên hệ, đối chiếu với tác phẩm khác khi phân tích dẫn chứng. Điều này vừa chứng tỏ được chiều sâu của người viết vừa thể hiện được chiều rộng của vốn liếng văn chương. Tuy nhiên khi so sánh đối chiếu với tác phẩm khác vẫn cần đảm bảo hướng vào vấn đề đang nghị luận

Ví dụ 1: Khi phân tích hai câu đầu trong bài thơ Chiều tối của Hồ Chí Minh “*Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ - Cô vân mạn mạn độ thiên không*” để làm sáng tỏ cho màu sắc cổ điển trong thơ Người, học sinh có thể liên hệ tới những câu thơ cổ có sử dụng thi liệu cánh chim và chòm mây trong khoảng khắc chiều tà. Đó là hình ảnh “*chim bay về núi tối rồi*” trong ca dao; là hình ảnh “*chim hôm thoi thót về rừng*” trong thơ của Nguyễn Du; là hình ảnh “*ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi*” trong thơ bà Huyện Thanh Quan hay “*Con chim bật gió lạc loài kêu sưng*” trong Chinh phụ ngâm của Đoàn Thị Điểm và thi tiên Lí Bạch trong Độc tọa kính Đình sơn cũng viết “*chúng điểu cao phi tận*”. Cùng với hình ảnh “*Quyện điểu*” hình ảnh “*Cô vân*” cũng vẫn là một thi liệu quen thuộc. Ta đã từng bắt gặp hình ảnh này trong câu thơ “*Bạch vân thiên tải không du du*” trong thơ Thôi Hiệu hay chòm mây cô đơn trong thơ Lí Bạch “*cô vân độc khứ nhàn*”. Hoặc phân tích tinh thần hiện đại thể hiện ở tứ thơ luôn vận động hướng tới ánh sáng và tương lai trong hai câu sau: “*Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc – Bao túc ma hoàn lô dĩ hồng*”, học sinh có thể liên hệ đến câu thơ trong bài Tảo giải của Bác “*Phương đông màu trắng chuyển sang hồng*”

Ví dụ 2: Khi phân tích dẫn chứng để làm sáng tỏ cho sự công phu trong lao động ngôn ngữ của người nghệ sĩ, học sinh phân tích chữ *đỏ* trong câu thơ “*Ve kêu rừng phách đổ vàng*” (*Việt Bắc - Tố Hữu*) có thể liên hệ so sánh với chữ *đỏ* trong câu thơ của Xuân Diệu “*Đỏ trời xanh ngọc qua muôn lá*” (*Thơ duyên*) để thấy chữ *đỏ* được hai nhà thơ dùng đầy tinh tế chỉ khác là trong câu thơ của Xuân Diệu là màu xanh đỏ tràn qua muôn lá cây còn trong câu thơ của Tố Hữu sắc vàng đã

chiếm lĩnh cả không gian núi rừng Việt Bắc. Nó cho thấy sự chuyển đổi mau lẹ của màu sắc. Chỉ với một từ thôi mà ta thấy cả thời gian và không gian đang luân chuyển sống động.

3.3. Sửa lỗi cụ thể trong bài làm của học sinh

Trong thực tế giảng dạy, chúng tôi nhận thấy có khá nhiều loại lỗi trong bài viết của học sinh khi chọn và phân tích dẫn chứng trong bài văn nghị luận văn học như đã nêu ở chương 2. Vì vậy, chúng tôi quan niệm việc luyện đề và chữa lỗi về chọn và phân tích dẫn chứng cho học sinh là rất quan trọng giúp học sinh khắc phục lỗi và rút kinh nghiệm cho những bài viết sau.

Ví dụ: *"Thi ca có một đặc tính kì lạ... Những chữ tả tơi nhất mà chúng ta đã nói cạn đến cùng, đối với chúng còn lại chẳng khác gì một cái vỏ chữ. Những chữ ấy trong thi ca lại sáng lấp lánh, lại kêu giòn và tỏa hương".*

(Theo Pau-tốp-xki- Nhà văn Nga)

Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua một số bài thơ mà anh/chị tâm đắc nhất.

3.3.1. Lỗi sai trong bài viết của học sinh

Qua thực tế chấm bài, chúng tôi có nhận xét chung:

- Về ưu điểm: Nhìn chung, bài viết của học sinh nhận diện được vấn đề, lựa chọn đúng dẫn chứng trong phong trào Thơ mới để giải quyết yêu cầu đề bài đặt ra. phân tích tác phẩm để chứng minh, làm sáng tỏ vấn đề lí luận. Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm vừa nêu, vẫn còn nhiều học sinh mắc lỗi khi làm bài.

- Về hạn chế cần khắc phục: Phạm vi dẫn chứng tự chọn theo sở thích của học sinh để chứng minh cho vấn đề lí luận. Đây vừa là lợi thế vừa là khó khăn cho học sinh bởi không được định hướng tác phẩm cụ thể nhiều học sinh sẽ lúng túng, dẫn đến việc lựa chọn tác phẩm không hợp lí, không sát vấn đề lí luận. Một số học sinh khi phân tích dẫn chứng còn chung chung, có đoạn không thật trúng trọng tâm vấn đề. Ví dụ, khi lựa chọn tác phẩm *Vội vàng* của Xuân để phân tích, học sinh không chứng minh được hết các ý (luận điểm cần có) trong nội dung vấn đề cần nghị luận. Có bài học sinh lại đi vào phân tích dẫn chứng để làm sáng tỏ cho các đặc điểm của ngôn ngữ như tính hàm súc, tính chính xác, tình hình tượng...chứ chưa chứng minh được chính xác vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ ca, tuy gần gũi thân quen xuất phát từ ngôn ngữ đời sống nhưng có thể đem lại sức biểu đạt lớn lao, sức cuốn hút đặc biệt. Từ đó thấy được vai trò người sáng tạo giống như *phù thủy của ngôn từ*. Có bài học sinh phân tích dẫn chứng thuần túy chưa thật sự bám sát vào định hướng của đề bài

3.3.2. Hướng khắc phục lỗi

Từ việc phân tích cụ thể những lỗi sai, chúng tôi sẽ định hướng cho học sinh cách để khắc phục những lỗi sai đó:

* Nhận diện đề:

Bước thứ nhất: Đọc kĩ đề, xác định nội dung bàn luận. Cần chú ý đến các từ ngữ hình ảnh trong từng vế của nhận định: *Những chữ tả tôi nhất mà chúng ta đã nói cạn đến cùng, đối với chúng còn lại chẳng khác gì một cái vỏ chữ:* chỉ ngôn ngữ, lời ăn tiếng nói hàng ngày đã trở nên quen thuộc đến mòn nhẵn của đời sống. Đó lại chính là chất liệu của ngôn ngữ thơ ca. *Những chữ ấy trong thi ca lại sáng lấp lánh, lại kêu giòn và tỏa hương:* Trong thơ, những từ ngữ quen thuộc lại trở nên sống động, giàu âm sắc, gợi hình, gợi cảm, có sức cuốn hút hấp dẫn mới mẻ như thể *lấp lánh* (mang ánh sáng), *kêu giòn* (mang âm thanh) và *tỏa hương* (mang hương vị).

Bước thứ hai: Từ các cụm từ; hình ảnh trên, có thể xác định vấn đề cần bàn luận là vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ ca từ đó đề cao vai trò người nghệ sĩ trong sáng tạo ngôn từ.

Bước thứ ba: Phạm vi dẫn chứng tự chọn

* **Phân tích dẫn chứng:** Học sinh có thể chọn bất kì bài thơ nào mình tâm đắc để phân tích song cần phân tích dẫn chứng chính xác, sâu sắc, bám vào định hướng của đề, theo hệ thống luận điểm đã xây dựng.... cụ thể cần tập trung làm rõ:

- Ngôn ngữ thơ là ngôn ngữ của đời sống: quen thuộc, giản dị như lời ăn tiếng nói hàng ngày được thể hiện như thế nào trong tác phẩm?

- Từ vốn liếng ngôn ngữ đời sống, nhà thơ đã có những sáng tạo tài hoa, khiến ngôn ngữ trở nên sống động, có hồn, có màu sắc, ánh sáng, âm thanh, hương vị và nồng nàn hơi thở cuộc sống (lớp ngôn từ *sáng lấp lánh, kêu giòn và tỏa hương*) như thế nào trong tác phẩm? Sự sáng tạo về ngôn ngữ được thể hiện thông qua nhiều phương diện: Lựa chọn sử dụng từ ngữ, hình ảnh; vận dụng các biện pháp nghệ thuật đặc sắc; giọng điệu âm hưởng nhịp thơ...ra sao?

PHẦN KẾT LUẬN

Vấn đề rèn kĩ năng chọn và phân tích dẫn chứng trong bài nghị luận văn học dành cho học sinh giỏi ngữ văn là vấn đề quan trọng cần được chú trọng hơn trong công tác rèn luyện, bồi dưỡng học sinh giỏi. Với chuyên đề này, chúng tôi muốn hướng đến sự nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của vấn đề, nêu ra những lỗi cụ thể của học sinh mắc phải trong quá trình chọn và phân tích dẫn chứng trong bài văn nghị luận văn học và định hướng cách khắc phục cụ thể. Trong tầm hiểu biết còn khiêm tốn của mình, chuyên đề chưa thể nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện về cách rèn kĩ năng chọn và phân tích dẫn chứng trong bài văn nghị luận văn học cho học sinh giỏi ngữ văn mà chỉ là những đúc rút kinh nghiệm của bản thân với mong muốn góp thêm một phần nhỏ vào việc nâng cao chất lượng dạy học sinh giỏi hiện nay.

Hi vọng rằng, từ thực tế giảng dạy học sinh giỏi đã đúc kết trong chuyên đề trên sẽ trở thành những đóng góp, chia sẻ nhỏ bé mà hữu ích với đồng nghiệp trong công tác giảng dạy học sinh giỏi tại các trường THPT chuyên trong cả nước. Rất mong nhận được sự đóng góp của các thầy giáo, cô giáo để chuyên đề của chúng tôi hoàn thiện hơn.

Collected by: hoctot365.edu.vn

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Duy Kha, Hoàng Văn Quyết (2016), *Tuyển chọn những bài văn đoạt giải quốc gia học sinh giỏi trung học phổ thông 2004 – 2014*, NXB Giáo dục Việt Nam.
2. Trần Đình Sử (chủ biên); Phan Trọng Luận; Nguyễn Minh Thuyết (2002), *Làm văn 12*, NXB Giáo dục.
3. Nguyễn Đăng Mạnh (chủ biên); Đỗ Ngọc Thống; Lưu Đức Hạnh (1995), *Muốn viết được bài văn hay*, NXB Giáo dục.
4. Đỗ Ngọc Thống (2016), *Tài liệu chuyên Văn tập một, hai, ba*, NXB Giáo dục Việt Nam.
5. Nhiều tác giả (2007), *Từ điển thuật ngữ Văn học*, NXB Giáo dục Việt Nam
6. Nguyễn Đăng Mạnh (chủ biên); Đỗ Ngọc Thống (2002), *Văn – Bồi dưỡng học sinh giỏi trung học phổ thông tập 1,2*; NXB đại học Quốc gia Hà Nội

Collected by: hoctot365.com.vn